

Bản tin Phân tích kỹ thuật

10/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 đóng cửa dưới đường MA20, MA50 và tại mức giá thấp nhất ngày, thể hiện quán tính giảm lẩn át. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu quanh 1.922 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.937 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.932 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.922 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.937 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Trung tính
VN30	Tích cực	Trung tính
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

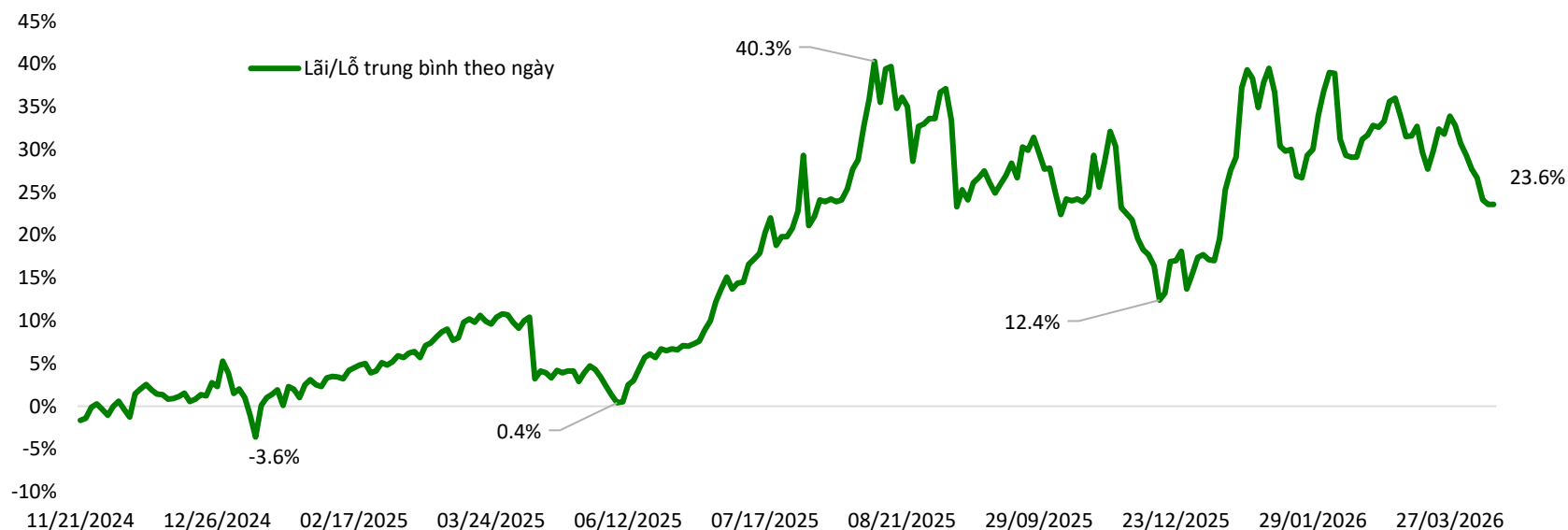


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, lực mua gia tăng trên diện rộng tại nhóm Ngân hàng và Dầu khí. Nhóm Bán lẻ và Vật liệu cũng thu hút lực mua trong ngày, dù độ lan tỏa thấp hơn. Ở vùng giá cao, áp lực bán diện rộng xuất hiện tại nhóm Bất động sản.
- Về mặt kỹ thuật, tỷ trọng cổ phiếu mang tín hiệu Tiêu cực tiếp tục giảm trên phần lớn các nhóm ngành, hiện lần lượt còn 0%, 14%, 9% và 33% ở nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán và Bán lẻ. Điều này cho thấy biến động trong phiên 10/04 chưa làm thay đổi cấu trúc tăng giá/hồi phục được thiết lập từ phiên 08/04.
- Diễn biến hiện tại cho thấy lực mua tại vùng giá cao vẫn duy trì trên thị trường, tập trung rõ hơn ở nhóm có tính dẫn dắt cao là Ngân hàng. Do đó, chúng tôi cho rằng trở ngại tại đường MA50 (1.750 điểm) mang tính ngắn hạn, trong khi nhịp điều chỉnh, nếu xuất hiện trong phiên 13/04, nhiều khả năng sẽ được giới hạn bởi vùng hỗ trợ gần tại 1.725 điểm.
- Tín hiệu kỹ thuật trên phần lớn các nhóm ngành đang chuyển biến theo hướng hồi phục/tăng giá. Tuy nhiên, tỷ trọng các vị thế ngắn hạn chỉ nên gia tăng khi VN-Index đóng cửa vượt kháng cự 1.750 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	82,000	81,900	0.1%	79,000	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	151,700	1.68%	7.59%	1,169,005	3.994	1,468	7.9	103.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCB	32,250	4.37%	8.40%	228,531	2.036	3,577	1.3	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BSR	26,750	7.00%	1.52%	133,945	1.912	1,041	2.2	25.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	80,700	2.93%	1.25%	194,725	1.165	4,730	2.9	17.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
LPB	49,300	2.71%	14.39%	147,273	0.813	3,824	3.1	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	121,100	-0.74%	1.59%	497,408	-0.748	10,200	2.1	11.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	33,650	2.59%	4.99%	134,600	0.711	1,330	2.4	25.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VCB	59,800	0.67%	3.64%	499,669	0.686	4,210	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BVH	76,400	-4.26%	-10.12%	56,713	-0.493	3,821	2.3	20.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PLX	41,150	4.18%	2.36%	52,285	0.445	2,106	2.0	19.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MSB	12,750	5.37%	10.87%	39,780	0.436	1,804	0.9	7.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VNM	62,800	1.62%	4.67%	131,249	0.433	4,503	4.3	14.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	28,000	-0.88%	5.07%	214,913	-0.388	2,013	1.7	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPL	81,000	1.25%	-2.64%	145,257	0.370	615	4.0	131.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MBB	26,700	0.75%	2.89%	215,068	0.331	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	39,600	5.60%	-1.98%	20,252	0.556	3,616	1.4	11.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	75,000	9.81%	9.01%	6,793	0.327	592	6.3	126.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,100	1.83%	3.74%	21,363	0.192	0	1.6	188,505.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	17,000	-1.73%	2.41%	18,161	-0.154	514	1.7	33.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PTI	29,800	7.97%	-0.67%	3,594	0.140	2,417	1.4	12.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	20,800	-0.95%	4.00%	20,819	-0.097	1,856	2.6	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HHC	109,700	-9.93%	-34.31%	1,802	-0.088	2,880	2.7	38.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BCF	46,000	9.52%	9.00%	1,746	0.082	3,080	4.0	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	48,400	-0.62%	3.42%	18,368	-0.055	5,090	2.8	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	17,100	-1.16%	3.64%	9,703	-0.055	312	1.6	54.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

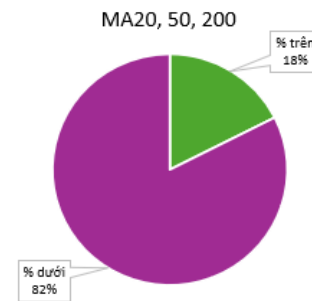
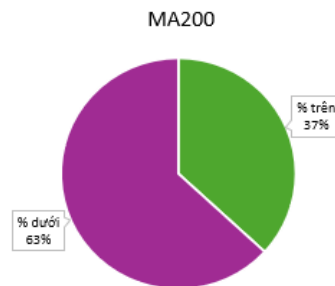
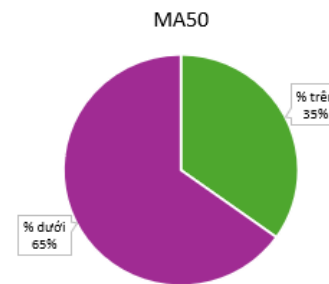
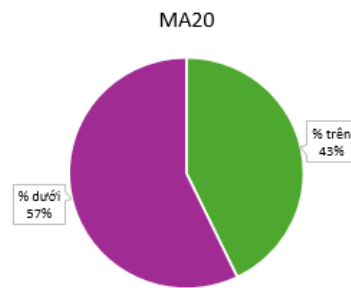
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	93,300	1.52%	2.98%	282,423	0.115	3,056	6.9	30.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VCR	38,000	-13.64%	-13.64%	7,980	-0.029	-369	5.3	-103.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSH	80,000	-3.61%	6.52%	30,000	-0.029	-1,065	5.4	-75.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	15,200	7.04%	0.66%	15,348	0.029	420	1.5	35.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACV	46,200	-0.65%	0.87%	165,869	-0.029	3,019	2.4	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VBB	12,800	5.79%	14.29%	13,719	0.021	1,457	1.1	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	46,100	1.54%	-4.55%	50,626	0.021	10	4.2	4,481.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	37,000	5.71%	2.78%	13,625	0.021	588	3.1	58.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
TSJ	33,900	-14.82%	-13.96%	2,536	-0.010	1,339	2.9	25.3	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCV	169,000	6.42%	10.46%	5,115	0.009	3,750	6.6	43.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VBB	12,800	5.8%	5.7	1.2	7,406	12,485	1.1	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	50,200	2.4%	41.8	38.9	16,273	49,650	4.3	23.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,100	5.1%	11.3	3.3	1,400	8,100	-1.8	-1.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SMC	13,350	6.8%	14.3	4.2	5,700	16,800	1.0	5.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			10/04/2026	09/04/2026	08/04/2026	07/04/2026	06/04/2026	03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	33%	32%	33%	27%	26%	29%	31%	31%
		Dưới	67%	68%	67%	73%	74%	71%	69%	69%
	MA50	Trên	38%	36%	34%	20%	19%	23%	26%	28%
		Dưới	62%	64%	66%	80%	81%	77%	74%	72%
	MA20	Trên	60%	57%	59%	30%	30%	40%	47%	53%
		Dưới	40%	43%	41%	70%	70%	60%	53%	47%
VN30	MA200	Trên	47%	43%	50%	30%	33%	33%	33%	43%
		Dưới	53%	57%	50%	70%	67%	67%	67%	57%
	MA50	Trên	43%	43%	43%	7%	7%	7%	10%	23%
		Dưới	57%	57%	57%	93%	93%	93%	90%	77%
	MA20	Trên	87%	87%	90%	33%	30%	47%	57%	67%
		Dưới	13%	13%	10%	67%	70%	53%	43%	33%
HNX	MA200	Trên	39%	38%	38%	35%	36%	38%	39%	40%
		Dưới	61%	62%	62%	65%	64%	62%	61%	60%
	MA50	Trên	39%	38%	40%	35%	32%	34%	35%	36%
		Dưới	61%	62%	60%	65%	68%	66%	65%	64%
	MA20	Trên	39%	38%	38%	35%	36%	38%	39%	40%
		Dưới	61%	62%	62%	65%	64%	62%	61%	60%
UPCOM	MA200	Trên	34%	33%	35%	30%	32%	34%	34%	36%
		Dưới	66%	67%	65%	70%	68%	66%	66%	64%
	MA50	Trên	33%	32%	32%	31%	32%	33%	34%	33%
		Dưới	67%	68%	68%	69%	68%	67%	66%	67%
	MA20	Trên	38%	37%	38%	37%	38%	37%	38%	39%
		Dưới	62%	63%	62%	63%	62%	63%	62%	61%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 4										Tháng 3									
	10 ↓	09	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16
1 Bất động sản	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30
2 Bán lẻ	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48
3 Xây dựng và Vật liệu	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45
4 Tài nguyên Cơ bản	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51
5 Ngân hàng	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34
6 Thực phẩm và đồ uống...	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38
7 Dịch vụ tài chính	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36
8 Điện, nước & xăng d...	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63
9 Hàng & Dịch vụ Côn...	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47
10 Ô tô và phụ tùng	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43
11 Bảo hiểm	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30
12 Hàng cá nhân & Gia ...	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52
13 Du lịch và Giải trí	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25
14 Hóa chất	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60
15 Dầu khí	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67
16 Công nghệ Thông tin	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	151,700	1.7%	7.6%	1,169,005	7.9	103.4	1,468	334.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	121,100	-0.7%	1.6%	497,408	2.1	11.9	10,200	305.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	28,000	-0.9%	5.1%	214,913	1.7	13.9	2,013	1,004.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LPB	49,300	2.7%	14.4%	147,273	3.1	12.9	3,824	108.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	66,900	0.9%	10.0%	126,121	2.1	21.2	3,150	682.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSB	12,750	5.4%	10.9%	39,780	0.9	7.1	1,804	440.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
NVL	16,800	0.6%	17.5%	37,540	0.8	19.0	884	446.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	33,950	0.1%	6.1%	31,973	1.3	13.9	2,450	85.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HCM	25,300	0.4%	4.8%	27,323	1.9	17.4	1,454	317.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,700	0.7%	1.4%	20,479	1.2	5.6	2,616	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	48,400	-0.6%	3.4%	18,368	2.8	9.5	5,090	64.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,000	-1.7%	2.4%	18,161	1.7	33.1	514	43.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VHC	61,200	1.7%	6.6%	13,737	1.4	9.7	6,319	53.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VBB	12,800	5.8%	14.3%	13,719	1.1	8.7	1,457	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	23,850	0.4%	3.7%	10,214	2.4	31.0	769	12.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
VSC	25,000	0.4%	5.0%	9,359	1.7	27.3	915	212.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	62,700	-1.3%	-0.2%	8,496	2.1	17.8	3,529	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ORS	13,600	-0.4%	3.0%	8,485	1.1	38.7	352	27.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TOS	179,800	3.5%	4.5%	7,971	3.8	7.8	22,710	14.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,300	-1.6%	3.3%	6,944	6.7	-7.0	-890	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	28,250	-1.4%	0.5%	52,969	1.6	12.3	2,298	49.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,700	0.0%	-9.0%	2,364	0.8	9.2	1,708	8.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,000	-0.8%	-1.5%	1,820	1.1	12.2	1,064	9.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCL	41,850	-7.0%	-26.2%	3,057	2.0	156.6	267	40.9	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPL	81,000	1.3%	-2.6%	145,257	4.0	131.8	615	30.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
LHC	100,400	-0.6%	-0.7%	1,446	2.5	11.7	8,550	6.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NRC	5,800	1.8%	1.8%	537	0.5	60.9	95	9.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	140,000	-0.3%	-0.5%	181,225	10.0	25.4	5,515	36.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	21,850	0.2%	-0.2%	18,684	1.7	25.0	876	9.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	56,500	-0.7%	-2.6%	18,083	3.4	46.3	1,221	47.5	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
HDG	28,000	-1.1%	-3.4%	10,359	1.5	13.5	2,082	78.1	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEG	15,200	-0.3%	-4.1%	5,446	1.2	9.1	1,678	20.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BAF	34,900	-1.0%	-0.1%	10,610	2.6	79.4	440	91.7	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VC3	26,500	-1.1%	-0.4%	3,668	2.5	36.3	730	33.0	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PPC	10,250	0.0%	0.0%	3,286	0.7	19.9	515	6.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TCM	22,650	0.0%	0.4%	2,538	1.0	9.4	2,402	27.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HBC	5,100	-1.9%	0.0%	1,772	0.9	7.1	722	5.5	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,850	-1.9%	1.3%	1,440	0.9	9.8	2,337	14.4	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIG	6,900	0.0%	0.0%	1,336	0.7	18.0	384	5.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HHP	12,350	0.0%	1.2%	1,069	1.1	22.3	555	7.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,800	0.00%	0.00%	25,500	84.8%	357	1.1	38.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	54,000	1.69%	-4.42%	91,200	68.9%	7,965	1.4	6.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	26,200	0.00%	3.56%	43,700	66.8%	936	1.6	28.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	29,200	-0.68%	3.91%	45,800	56.8%	1,805	1.1	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FPT	77,700	-0.77%	5.00%	116,600	50.1%	5,515	3.6	14.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BMI	15,700	0.00%	-8.99%	23,100	47.1%	1,708	0.8	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	28,850	0.35%	2.49%	42,400	47.0%	1,916	1.6	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVS	39,600	5.60%	-1.98%	58,100	46.7%	3,616	1.4	11.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,600	-0.52%	5.93%	40,800	42.7%	1,963	2.2	14.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,300	0.74%	5.81%	38,000	39.2%	3,024	1.3	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGC	46,500	1.09%	3.68%	64,100	37.8%	3,130	2.4	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVT	22,500	3.69%	6.38%	30,800	36.9%	2,208	1.2	10.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	43,200	0.23%	0.47%	58,700	35.9%	4,506	1.6	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	40,100	-0.99%	13.60%	54,000	34.7%	1,638	2.0	24.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACG	34,050	-0.87%	1.64%	45,800	34.5%	3,342	1.2	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,850	0.00%	1.49%	32,000	34.2%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
PLC	23,800	1.71%	3.93%	31,900	34.0%	334	1.6	71.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBB	26,700	0.75%	2.89%	35,000	31.1%	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
MCH	140,000	-0.28%	-0.50%	181,700	29.8%	5,515	10.0	25.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	78,000	0.00%	3.59%	101,200	29.7%	2,710	3.2	28.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn